TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **334**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 01 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 281/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê T.A.M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: phường P.N, thành phố H, tỉnh T.T.H;

- Bị đơn: Ông Văn Đ.C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: phường P.V, thành phố H, tỉnh T.T.H;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê T.A.M và ông Văn Đ.C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê T.A.M và ông Văn Đ.C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê T.A.M và ông Văn Đ.C xác nhận có 02 con chung gồm: Văn Đ.G.A, sinh ngày 02/02/2009; Văn Đ.G.B, sinh ngày 06/8/2013 và thỏa thuận:

Giao cháu A cho ông C và giao cháu B cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi. Hai đương sự không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung của nhau sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê T.A.M và ông Văn Đ.C tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Bà Lê T.A.M và ông Văn Đ.C xác nhận không có.

3. Về án phí dân sự (ly hôn) sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng. Bà Lê T.A.M tự nguyện chịu toàn bộ và được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005804 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà M đã nộp đủ án phí ly hôn và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường V.N, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam